TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 186/2018/DS-PT
Ngày 29-11-2018
V/v *"Đòi nhà đất"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Nguyễn Văn Tào

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018; về việc *"Đòi nhà đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2018/QĐ-PT ngày 26/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:*

1. Ông Trương Đ (chết ngày 6/5/2018)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Đ: Trần Thị C, Trương Khánh V, Trương Trần Ý N, Trần Thị Hạnh T.

Địa chỉ: Số 5/1 Tổ 04 TH, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C1, địa chỉ: Số 50 đường TH, BT, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 22/10/2018)

2. Bà Phan Mỹ V1

Địa chỉ: Số 11A đường HK, phường PH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

3. Ông Nguyễn Thanh L - Sinh năm 1923.

Địa chỉ: Số 80/2, Tổ 4 TH, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

4. Ông Lê Đức T1 - Sinh năm 1935.

Địa chỉ: Số 58A đường VTS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

5. Ông Nguyễn T2 – Sinh năm 1943.

Địa chỉ: Tổ 3 Trường Hải, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

6. Ông Dương Văn Q – Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 24 (số mới 35) đường Đông Phước, phường PL, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

7. Ông Lê Quang V2 – Sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số 17/4E đường PL, phường PL, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

8. Ông Trần Công H (chết năm 2015).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H:

- Bà Trương Thị Quỳnh L1; địa chỉ: Số 60/6 đường LHP, phường PH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Lê Thị T3; địa chỉ: Số 120 đường TQC, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tư: Bà Nguyễn Thị C1 theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2017.

9. Ông Võ Khánh H1 (chết ngày 01/5/2018)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Khánh H1:

Nguyễn Thị S, Võ Nguyễn Đăng V3, Võ Nguyễn Khánh H2, Võ Nguyễn Đăng Q1, Võ Nguyễn Khánh N2.

Địa chỉ: Số 26 Tổ 8 NH (số mới 58/4 đường LĐC), phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C1, địa chỉ: Số 50 đường TH, BT, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 22/10/2018)

10. Ông Võ Doãn T4 – Sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 41/4 Tổ 1 VĐ, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

11. Ông Võ Doãn D – Sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 5/37 Tổ 1 VĐ (số mới 24/63 đường LĐC), phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

12. Bà Nguyễn Thị H3 - Sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 36B (số mới 15) đường Đặng Tất, phường VH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

13. Bà Võ Thị T5 – Sinh năm 1935.

Địa chỉ: Số 13/12 đường PĐG, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

14. Ông Ngô Hữu Q3

Địa chỉ: Số 104 đường TQC, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

15. Ông Dương K4.

Địa chỉ: Số 43/8 đường Thủy Xưởng, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

16. Ông Nguyễn Văn T10.

Địa chỉ: Tổ 1, số 14 đường XX, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

17. Ông Ngô Văn H23

Địa chỉ: Số 03 đường Trần Khánh Dư, phường Phước Tân, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

18. Ông Phan Thanh H24 (chết năm 2016).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hải:

- Bà Nguyễn Thị N7; sinh năm 1945; địa chỉ: Đội 3, thôn NT, xã DB, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa

- Bà Huỳnh Thị Kim P2

- Bà Phan Hoàng Thanh H25

- Ông Phan Thanh H26

- Ông Phan Thanh H27

Cùng địa chỉ: Số 104 (số cũ 70) đường LHP, phường PH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền bà N7, bà P2, bà H25, ông H26 và ông H27: Bà Nguyễn Thị C1 – sinh năm: 1959; địa chỉ: Số 50 đường TH, BT, phường VT,

thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 07/9/2017 và ủy quyền trực tiếp tại phiên tòa ngày 08/9/2017).

19. Ông Phạm Đình C4.

Địa chỉ: Số 15 đường NĐK, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

20. Ông Nguyễn H28 (Nguyễn Văn H29, Nguyễn H29)– Sinh năm 1927.

Địa chỉ: Số 18 đường TA, BT, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của các đương sự được đánh số từ số 03 đến số 20: Bà Nguyễn Thị C1 – sinh năm: 1959; địa chỉ: Số 50 đường TH, BT, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 21/4/2015).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn:

Bà Đặng Thị Kim N8 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư KN, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: Số 12A đường Nguyễn Trung Trực, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Bà Trần Thị B4 - Sinh năm 1938

Địa chỉ: Số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N3 - sinh năm: 1959; địa chỉ: Số 85 đường NVC, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 24/7/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn Hữu P1 - Luật sư thuộc Chi nhánh Văn phòng Luật sư H tại Đà Nẵng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị T19

Địa chỉ: Tổ 2 TS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà Trương Thị S2

Địa chỉ: Số 103 Quốc lộ 14, Tổ 2, KP 6, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Bình Phước

3. Ông Trương Tấn M1

Địa chỉ: Tổ 2 TĐ, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

4. Ông Trương Văn C5

Địa chỉ: Tổ 2 TS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

5. Bà Trương Thị Ngọc G1

Địa chỉ: Tổ 2 TS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa

6. Bà Trương Thị Ánh L7

Địa chỉ: Số 13/17 Khu 5, phường CN, thành phố TD, tỉnh Bình Dương;

7. Ông Trương T20

Địa chỉ: Tổ 2 TS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

8. Ông Trương Minh G2

Địa chỉ: Tổ 2 TS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

9. Ông Trương Tấn T21

Địa chỉ: Tổ 2 TS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

10. Ông Nguyễn T22

Địa chỉ: Thôn PT, xã PĐ, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn T22: Ông Nguyễn Thanh L; địa chỉ: Tổ 4 TH, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền lập ngày 25/5/2009).

11. Bà Lê Thị Ngọc 5

Địa chỉ: Số 288/K9 đường NK, Phường X, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà B5: Ông Lê Đức T1; địa chỉ: Số 58A đường VTS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền lập ngày 13/6/2009).

12. Bà Lê Thị Ngọc C6

Địa chỉ: Số 60B đường VTS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của bà C6: Ông Lê Đức T1; địa chỉ: Số 58A đường VTS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền lập ngày 10/6/2009).

13. Bà Lê Thị Ngọc A1

Địa chỉ: Số 21 đường HR, xã PĐ, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của bà A1: Ông Lê Đức T1; địa chỉ: Số 58A đường VTS, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền lập ngày 09/6/2009).

14. Ông Nguyễn P3

Địa chỉ: Số 156 đường VTS, phường PL, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn P3: Bà Nguyễn Thị C1; địa chỉ: Số 50 đường TH, BT, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 15/7/2016).

15. Bà Dương Thị C7

Địa chỉ: Thôn 2 VĐ, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

16. Bà Dương Thị C8

Địa chỉ: Số 22 ĐP, phường PL, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện theo ủy quyền của bà C8: Ông Dương Văn Q; địa chỉ: Số 24 đường Đông Phước, phường PL, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 01/6/2009).

17. Bà Lê Thị Bích V6.

Địa chỉ: Số 74/5 đường TP, phường VN, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của bà V6: Ông Lê Quang V2; địa chỉ: Số 17/4E đường PL, phường PL, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 16/7/2009).

18. Bà Lê Thị Bích L8;

19. Bà Lê Thị Bích T23

Cùng địa chỉ: Số 74/5 đường TP, phường VN, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

20. Bà Lê Thị T3

Địa chỉ: Số 120 đường TQC, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa. Bà Tư ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C1.

21. Bà Võ Thị Thu T6

Địa chỉ: Tổ 4 NH, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

22. Bà Võ Thị Thu T7

Địa chỉ: Tổ 7, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

23. Ông Võ Doãn H4;

24. Bà Võ Thị Ngọc L2

Cùng địa chỉ: Tổ 1 - 5/37 VĐ, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của ông H4 và bà L2: Ông Võ Doãn D; địa chỉ: Số 5/37 Tổ 1 VĐ, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 08/08/2007).

25. Bà Võ Thị M

Địa chỉ: Số 13/12 đường PĐG, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: bà Võ Thị T5; địa chỉ: Số 13/12 đường PĐG, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 20/7/2007).

26. Bà Dương Thị Thu T7;

27. Ông Dương Trung K;

28. Bà Dương Thị Tuyết K1;

29. Bà Dương Thị Liên K2;

Cùng địa chỉ: Số 43/8 đường TX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

30. Bà Nguyễn Thị T8

Địa chỉ: Xã DT, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.

31. Ông Nguyễn H5

Địa chỉ: Số 87 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

32. Ông Nguyễn Hữu T9

Địa chỉ: Tổ 1 VĐ, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

33. Bà Nguyễn Thị Ngọc B

Địa chỉ: Phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

34. Ông Nguyễn Đ1;

35. Bà Nguyễn Thị Lệ H6

Cùng địa chỉ: Số 04 đường XX, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ1 và bà H6: Ông Nguyễn Văn T10; địa chỉ: Tổ 1, số 14 đường XX, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 11/9/2007).

36. Ông Ngô Văn S1

Địa chỉ: Số 90 đường Trịnh Phong, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt;

37. Ông Phan Văn H7 (chết năm 2012)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H7:

- Bà Phan Thị Thanh H8, địa chỉ: Số 11/C1 (số mới 53/1) đường NTT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Phan Thanh H9, địa chỉ: Số 18/2A đường NB, phường X, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phan Thị Thanh H10; địa chỉ: Đội 3, thôn NT, xã DB, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Phan Thị Hòa H11, địa chỉ: Đội 3, thôn NT, xã DB, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Phan Thanh H12, địa chỉ: 111 K1/9E BĐ, phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phan Thị Tuyết H13, địa chỉ: Đội 3, thôn NT, xã DB, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Phan Thị Thanh H14; địa chỉ: Số 160, Tổ 4, thôn T, xã VP, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

Các ông, bà H8, H9, H11, H13, H14 đều ủy quyền toàn bộ cho bà Nguyễn Thị C1 tại phiên tòa ngày 08/9/2017.

38. Bà Phạm Thị Ngọc T11

Địa chỉ: Số 42 PĐG, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

39. Bà Phạm Thị Ngọc L3

Địa chỉ: Số 72A đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường TL, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

40. Bà Phạm Thị Ngọc H15

Địa chỉ: Số 239 đường Thống Nhất, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

41. Ông Nguyễn Văn H16;

42. Ông Nguyễn Văn T12;

Cùng địa chỉ: Số 18 đường TA, phường VT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

43. Ông Phan Chi H17

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

44. Ông Phan Chi C2

Địa chỉ: Hoa Kỳ;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Chi C2: Bà Phan Mỹ V1; địa chỉ: Số 11A đường HK, phường PH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 01/7/2009).

45. Bà Phan Thị T13

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

46. Ông Phan Chi H18

Địa chỉ: Hoa Kỳ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang V2; địa chỉ: Số 17/4E đường PL, phường PL, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 22/9/2015).

47. Ông Phan Chi N1

Địa chỉ: Hoa Kỳ. Vắng mặt;

48. Ông Phạm Ngọc G

Địa chỉ: Hoa Kỳ;

49. Ông Lê Xuân T14;

50. Ông Lê Xuân Q2;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Xuân Q2: Bà Nguyễn Thị Tuyết N3 - sinh năm: 1959; địa chỉ: Số 85 đường NVC, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 24/7/2018).

51. Ông Lê Xuân T15;

52. Bà Trần Thị Thu H19;

53. Ông Lê Xuân L4

54. Ông Lê Xuân T16

Cùng địa chỉ: Số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T14, ông L4, ông T16: Ông Hồ Sĩ C3; địa chỉ: Số 8/14 đường NTT, phường TL, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 17/11/2016).

55. Ông Lê Xuân N4

Địa chỉ: Số 675/33/17 đường TXS, phường TH, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

56. Ông Lê Xuân B2

Địa chỉ: Số 24/1 (số mới 100/1) đường HV, phường LT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B2: Ông Hồ Sĩ C3; địa chỉ: Số 8/14 đường NTT, phường TL, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 17/11/2016).

57. Bà Lê Thị Ngọc A;

58. Bà Lê Thị L5;

Cùng địa chỉ: Số 24/1 (số mới 100/1) đường HV, phường LT, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

59. Bà Nguyễn Thị Tuyết B3 (không rõ địa chỉ hiện nay);

60. Ông Tô Bửu Đ2 (không rõ địa chỉ hiện nay).

61. Bà Tô Thị Kim T16 (không rõ địa chỉ hiện nay).

62. Bà Tô Thị Tường V4 (không rõ địa chỉ hiện nay).

63. Bà Tô Thị Thanh V5 (không rõ địa chỉ hiện nay).

64. Ông Tô Bửu Đ3

Địa chỉ: Số 77 đường LĐC, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

65. Ông Tô Bửu Đ4

Địa chỉ: Số 81 đường LĐC, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa;

66. Bà Tô Thị Kỳ D1

Địa chỉ: Số 75 đường LĐC, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ3, ông Đ4 và bà D1: Bà Tô Thị P; địa chỉ: Số 24/83 đường LĐC, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 06/12/2016).

67. Bà Tô Thị Mỹ D2 (không rõ địa chỉ hiện nay).

68. Bà Tô Thị N5 (không rõ địa chỉ hiện nay).

69. Bà Tô Thị Kim L6

Địa chỉ: Số 269 HLL, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

70. Bà Tô Thị P

Địa chỉ: Số 24/83 đường LĐC, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

71. Ông Nguyễn Đ5 (Nguyễn Văn Đ5)

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn TD 2, xã VB, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ hiện nay không rõ.

72. Bà Huỳnh Thị T17 (không rõ địa chỉ hiện nay).

73. Bà Huỳnh Thị H20

Địa chỉ: Số 37 đường HL 45, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

74. Ông Huỳnh Bá K3

Địa chỉ: Số 85 đường LĐC, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

75. Ông Huỳnh Bá H21

Địa chỉ: Số 37 đường HL 45, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

76. Bà Nguyễn Thị H22

Địa chỉ: Số 36B (số mới 15) đường ĐT, phường VH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

77. Bà Nguyễn Thị T18

Địa chỉ: Số 41/4 Tổ 1 VĐ, phường NH, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Người kháng cáo:*** Bà Trần Thị B4 và ông Lê Xuân Q2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đòi nhà và quyền sử dụng đất đề ngày 06/9/2005, biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2013, bản tự khai ngày 25/5/2015, biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2016 và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Các ông, bà là những người quê gốc ở các tỉnh miền Nam ra miền Trung làm ăn sinh sống và lập nghiệp tại thành phố N9, họp lại với nhau lập ra Hội đồng hương N6 – tên gọi ngắn gọn là "Hội N6" hoặc là "Tộc họ N6". Việc thành lập và hoạt động của Hội được chính quyền chế độ cũ cấp phép năm 1967. Hội gồm các nhánh gia phái như sau:

1. Gia phái ông Trương R (chết), vợ là bà Phan Thị X (chết), các con của ông R gồm:

1.1. Bà Trương Thị T19

1.2. Bà Trương Thị S2

1.3. Ông Trương Tấn M1

1.4. Ông Trương Văn C5

1.5. Bà Trương Thị Ngọc G1

1.6. Bà Trương Thị Ánh L7

1.7. Ông Trương T20

1.8. Ông Trương Minh G2

1.9. Ông Trương Tấn T21

1.10. Ông Trương Đ

2. Gia phái ông Phan Chi C9, gồm các gia đình như sau:

2.1 Ông Phan Chi C9 (chết), gồm các con:

2.1.1. Ông Phan Chi H17

2.1.2. Ông Phan Chi C2

2.1.3. Bà Phan Thị T13

2.1.4. Bà Phan Thị L9 (chết, không có chồng và con cái)

2.1.5. Ông Phan Chi H18

2.1.6. Bà Phan Thị Th (chết, không có chồng và con cái).

2.1.7. Bà Phan Thị H30 (chết 1990, không biết tin tức về chồng con)

2.1.8. Bà Phan Thị Th1 (chết, chồng đã chết, không biết tin tức về con)

2.2 Ông Phan Chi Kh (chết 1967, có con nhưng không rõ tin tức)

2.3 Ông Phan Chi H31 (chết 1978, có con nhưng không rõ tin tức)

2.4 Bà Phan Thị Nh (chết, có con nhưng không rõ tin tức)

2.5 Bà Phan Thị Trg (chết 1976, không có chồng con)

2.6 Ông Phan Chi N1, có 01 con:

2.6.1 Bà Phan Mỹ V1.

3. Gia phái Ông Nguyễn L10 (chết), vợ là bà Huỳnh Thị Đ6 (chết), có các con:

3.1. Ông Nguyễn H32 (chết, có 1 con, không rõ tin tức).

3.2. Ông Nguyễn L11 (chết, vợ và các con đã chết)

3.3. Ông Nguyễn T22

3.4. Ông Nguyễn Thanh L

4. Gia phái ông Lê Đức Q4 (chết), có các con:

4.1. Bà Lê Thị Ngọc 5

4.2. Bà Lê Thị Ngọc C6

4.3. Bà Lê Thị Ngọc A1

4.4. Ông Lê Đức T1

5. Gia phái ông Nguyễn P3, ông P3 còn sống, ông Nguyễn T2 là con của ông P3.

6. Gia phái ông Dương Q5 (chết), vợ là bà Phan Thị D3 (chết), các con của ông Quyền gồm:

6.1. Dương H33 (chết nhỏ)

6.2. Bà Dương Thị C7

6.3. Bà Dương Thị C8

6.4. Ông Dương Văn Q

7. Gia phái ông Lê Quang H34 (chết), có các con:

7.1. Ông Lê Quang Kh1 (chết 1975, không có con)

7.2. Bà Lê Thị Bích V6

7.3. Bà Lê Thị Bích L8

7.4. Bà Lê Thị Bích T23

7.5. Ông Lê Quang V2

8. Gia phái bà Huỳnh Thị H35 (chết 1980), các con của bà H35:

8.1. Bà Đỗ Thị C10 (chết 1922, không có chồng con)

8.2. Ông Đỗ Hữu Đ7 (chết 1992, không có vợ con)

8.3. Bà Lê Thị T3

9. Gia phái ông Võ Văn T24 (chết), vợ là bà Lê Thị B7 (chết), các con của ông T24:

9.1. Bà Võ Thị Thu T6

9.2. Bà Võ Thị Thu T7

9.3. Ông Võ Khánh H1

10. Gia phái bà Diệp Thị H36 (chết), con của bà H36:

10.1. Ông Võ Doãn T25 (chết 1968), có vợ và 01 người con gồm:

10.1.1. Bà Nguyễn Thị T18 – bệnh nặng

10.1.2. Ông Võ Doãn T4

11. Gia phái ông Võ Doãn Ng (chết), vợ là bà Trần Thị T26 (chết), các con ông Ng gồm:

11.1. Ông Võ Doãn H4

11.2. Bà Võ Thị Ngọc L2

11.3. Ông Võ Doãn D

12. Gia phái ông Nguyễn M2, gồm các gia đình sau:

12.1. Ông Nguyễn M2 (chết), vợ là bà Nguyễn Thị D4 (chết), không có con cái.

12.2. Ông Nguyễn Ph1 (chết), vợ là bà Nguyễn Thị H35 (chết), có 01 người con:

12.2.1. Ông Nguyễn Đ8 (chết), có vợ là:

12.2.1.1. Bà Nguyễn Thị H22 (bệnh) và 01 người con là:

12.2.1.2. Bà Nguyễn Thị H3

13. Gia phái bà Trương Thị Đ9 (chết), có chồng là ông Võ T27 (chết), có 03 con:

13.1. Ông Võ Hữu Thân (chết, không có vợ con)

13.2. Bà Võ Thị M

13.3. Bà Võ Thị T5

14. Gia phái ông Ngô Hữu L12 (chết 1993), có vợ là bà Đỗ Thị Kh2 (chết 1984), 01 người con:

14.1. Ông Ngô Hữu Q3

15. Gia phái ông Dương Kh3 (chết 2002), vợ là bà Lê Thị L13 (chết), các con gồm:

15.1. Bà Dương Thị Thu T7

15.2. Ông Dương Trung K

15.3. Bà Dương Thị Tuyết K1

15.4. Bà Dương Thị Liên K2

15.5. Ông Dương H36 (chết, không có vợ con)

15.6. Ông Dương K4

16. Gia phái ông Nguyễn Th2 gồm 2 nhánh nhỏ:

16.1. Ông Nguyễn Th3 (chết từ nhỏ)

16.2. Ông Nguyễn Th4 (chết 1977), vợ là bà Phan Thị S3 (chết 1968), các con gồm:

16.2.1. Bà Nguyễn Thị T8

16.2.2. Ông Nguyễn H5

16.2.3. Ông Nguyễn Hữu T9

16.2.4. Bà Nguyễn Thị Ngọc B

16.2.5. Ông Nguyễn Đ1

16.2.6. Bà Nguyễn Thị Lệ H6

16.2.7. Ông Nguyễn Văn T10

17. Gia phái ông Ngô H37 (chết), vợ là bà Nguyễn Thị M3 (chết), các con gồm:

17.1. Ông Ngô Văn S1

17.2. Ông Ngô Văn H23

18. Gia phái ông Phan Văn H7 (chết 2012), gồm vợ và các con như sau:

18.1. Bà Nguyễn Thị N7

18.2. Bà Phan Thị Thanh H8

18.3. Ông Phan Thanh H9

18.4. Bà Phan Thị Thanh H10

18.5. Bà Phan Thị Hòa H11

18.6. Ông Phan Thanh H12

18.7. Bà Phan Thị Tuyết H13

18.8. Bà Phan Thị Thanh H14

18.9. Ông Phan Thanh H24 (chết), có vợ và các con gồm:

18.9.1. Bà Huỳnh Thị Kim P2

18.9.2. Bà Phan Hoàng Thanh H25

18.9.3. Ông Phan Thanh H26

18.9.4. Ông Phan Thanh H27

19. Gia phái ông Phạm Đình C11 (chết 1992), vợ là bà Võ Thị H38 (chết 1995), gồm các con:

19.1. Bà Phạm Thị Ngọc T11

19.2. Bà Phạm Thị Ngọc L3

19.3. Bà Phạm Thị Ngọc H15

19.4. Ông Phạm Đình C4

20. Gia phái ông Nguyễn Văn C12 gồm 02 nhánh:

20.1. Ông Nguyễn Văn C12 (chết, không có con cái)

20.2. Ông Nguyễn H39 (chết), gồm các con:

20.2.1. Ông Nguyễn Văn H16;

20.2.2. Ông Nguyễn Văn T12

20.2.3. Ông Nguyễn H28

21. Gia phái ông Phạm Ngọc C13 (chết), vợ chết, có 01 người con là:

21.1. Ông Phạm Ngọc G

22. Gia phái bà Huỳnh Thị E. Các ông, bà chỉ biết bà Huỳnh Thị E có tham gia ký biên bản năm 1966. Sau đó, bà ông Huỳnh Bá C12 là em của bà Huỳnh Thị E được Hội giao trông coi, quản lý, nhang khói nhà từ đường. Ngoài ra, các ông, bà không biết gì thêm về gia phái này.

Nhà đất tọa lạc tại số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung của nguyên đơn. Nguồn gốc đất trước đây là vùng trũng nhiễm mặn được các ông, bà khai phá để trồng lúa và cói. Ngày 08/5/1966, theo biên bản họp Hội N6, các thành viên đại diện các gia phái trong Hội thống nhất bán một số ruộng đất có sẵn của Hội lấy tiền cất nhà số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa, lấy tên N6 từ đường Khánh Hòa, để làm nơi thờ phụng và sinh hoạt, được chính quyền chế độ cũ quận VX (nay là thành phố N9) cấp giấy phép xây cất nhà ngày 19/9/1966. Từ đó, các ông, bà thường xuyên đến Hội họp và cúng giỗ.

Trong quá trình quản lý sử dụng, Hội đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế và kê khai nhà cửa theo yêu cầu của chính quyền. Sau khi giải phóng, các ông, bà có kê khai nhà đất theo yêu cầu của Nhà nước.

Năm 1973, Ban trị sự Hội N6 đồng ý giao ông Huỳnh Bá C12 ở để trông nom nhà đất, nhang khói cho ông bà .

Từ năm 1976 đến năm 1997, Ủy ban nhân dân phường PS mượn ngôi nhà từ đường trên làm trụ sở phường và làm nhà mẫu giáo, có hợp đồng mượn N6 từ đường ngày 28/12/1977 giữa Ủy ban nhân dân phường PS và Ban Quản trị Hội N6, Biên bản bàn giao nhà thờ N6 năm 1978 giữa Ủy ban nhân dân phường PS với Hội N6. Sau đó, Ủy ban nhân dân phường PS đã hoàn trả nhà cho các ông, bà.

Ngày 16/10/1998, do già yếu, ông Huỳnh Bá C12 đã cho cháu dâu của ông là bà Trần Thị B4 ở trong nhà từ đường mà không có ý kiến của các ông, bà. Bà Trần Thị B4 có làm tờ cam đoan với ông Huỳnh Bá C12 là sẽ trả nhà khi các ông, bà cần lấy lại.

Năm 1998, khi Nhà nước mở rộng đường XX, bà Trần Thị B4 đã tự ý làm đơn xin ban giải tỏa đền bù cho bà tiền, chiếm một phần diện tích sân trước nhà từ đường. Các ông, bà đã nộp giấy tờ hợp pháp và chứng minh đất của các ông, bà. Ban quản lý giải tỏa đường đã bác đơn của bà Trần Thị B4 vì bà Trần Thị B4

không có giấy tờ chứng minh nhà đất của mình và ban quản lý đã đưa tiền bồi thường do mở đường cho các ông, bà tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường PS.

Năm 1998, các ông, bà có chi 5.000.000đ để sửa lại nhà và có chi cho bà Trần Thị B4 4.500.000đ để đóng tiền thuế đất dù bà Trần Thị B4 muốn tự mình đóng tiền này.

Năm 2002, các ông, bà thấy bà Trần Thị B4 tự ý cho thuê mặt bằng sân nhà thờ để kinh doanh thu lợi riêng nên đã liên tục yêu cầu bà Trần Thị B4 trả lại nhà đất cho Hội. Ngày 12/12/2002, Ủy ban nhân dân phường PS giải quyết việc đòi nhà của các ông bà. Tại Biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, bà Trần Thị B4 hẹn đến 31/3/2003 sẽ trả lại mặt bằng nhà thờ. Tuy nhiên, bà Trần Thị B4 đã không thực hiện. Kế tiếp, bà Trần Thị B4 cố tình ở, cho con cháu vào ở, không trả lại nhà cho các ông bà, không cho các ông bà vào thờ cúng, biến N6 từ đường thành chỗ ở riêng của gia đình bà Trần Thị B4, ngăn không gian thờ thành những phòng sinh hoạt của gia đình bà.

Vì vậy, các ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị B4 và những người liên quan đang sinh sống tại nhà, đất số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa trả lại nguyên trạng diện tích nhà, đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2013, ngày 29/11/2016, bị đơn bà Trần Thị B4 trình bày:

Bà Trần Thị B4 là vợ của ông Lê Xuân Đ10 (chết năm 1989). Ông Lê Xuân Đ10 là con của bà Huỳnh Thị P4. Bà Huỳnh Thị P4 (chết trước giải phóng năm 1975) có 03 người con gồm: Lê Xuân Đ10, Lê Mộng T28 và Lê Mộng Q7. Bà T và bà Q7 đều đã chết khi còn nhỏ. Bà Trần Thị B4 và ông Lê Xuân Đ10 có 09 người con gồm: Lê Xuân T14, Lê Xuân T16, Lê Xuân N4, Lê Xuân Q2, Lê Xuân B2, Lê Xuân T15, Lê Xuân L4, Lê Thị Ngọc A và Lê Thị L5. Ông Đ10 không có người con riêng nào khác.

Nguồn gốc nhà đất số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa là của ông nội chồng bà để lại cho vợ chồng bà. Bà không ký giấy mượn nhà đất của ai. Năm 2005, một số người đại diện Hội N6 Khánh Hòa có tranh chấp nhà đất với gia đình bà. Ngày 22/6/2005, việc tranh chấp giữa bà Trần Thị B4 và Hội N6 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết bằng quyết định phúc thẩm.

Tại bản tự khai ngày 24/9/2015, biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2016, đại diện theo ủy quyền bị đơn bà Trần Thị B4 là ông Hồ Sĩ C3 trình bày:

Nguồn gốc đất là do vợ chồng bà Trần Thị B4 tạo lập và sử dụng từ năm 1973. Năm 1976, gia đình bà xây dựng nhà và chuyển hộ khẩu về đây sinh sống. Năm 1993, bà Trần Thị B4 bắt đầu kê khai nộp thuế nhà đất với diện tích đất

420m^2. Năm 1994, Nhà nước mở rộng đường XX, bà đã giao phần đất sân trước cho Nhà nước và đã nhận tiền đền bù, giải tỏa. Năm 2005, một số người đại diện Hội N6 Khánh Hòa tranh chấp nhà đất với gia đình bà. Ngày 22/6/2005, việc tranh chấp giữa bà Trần Thị B4 và Hội N6 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết theo quyết định phúc thẩm.

Từ khi sinh sống đến nay, bà và gia đình chỉ thay đổi, sửa chữa ít như làm la phông trần nhà, sửa sang mới các phòng ngủ không đáng kể nên không yêu cầu tính chi phí và công sức sửa chữa.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2009, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn S1 trình bày:

Căn nhà số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa do sự đóng góp của 20 họ tộc tạo lập nên trước năm 1975, chỉ dùng vào việc thờ cúng. Khi xây dựng, các ông đã thực hiện đầy đủ thủ tục xây cất.

Tộc họ có chỉ định cho ông ở trông coi và quản lý. Tuy nhiên, thời điểm đó ông không tiện ở lại. Sau này, ông Huỳnh Bá C12, cũng là thành viên của tộc họ, trông coi nhà thờ. Bà Trần Thị B4 có xin ở phía sau nhà thờ và hứa "sẽ dọn đi khi mãn tang chồng". Vì tin tưởng ông Huỳnh Bá C12 nên ông cũng có ký trong biên bản cho bà Trần Thị B4 ở nhờ. Bà Trần Thị B4 ở kéo dài cho đến hiện nay. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2009, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn P3 trình bày:

Ông được cha mẹ đặt tên là Nguyễn T29 nhưng từ khi hoạt động cách mạng ông sử dụng tên Nguyễn P3 cho đến nay. Ông là cha của ông Nguyễn T2. Nguồn gốc đất là của các đời cha ông gồm 22 gia phái. Nhà xây năm nào thì ông không nhớ, tiền xây nhà của Hội N6, không phải của riêng ai. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2009, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Chi C2 trình bày:

Hội N6 được thành lập hợp pháp. Tài sản của Hội là lô đất có diện tích 12m x 35m tại số 135 đường Quốc lộ 1, khóm PL, phường PH, Quận Y, nay là số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa. Hội đã xây một nhà từ đường N6 làm nơi thờ phụng các vị tiền bối sáng lập Hội, trong đó, có cha ông là ông Phan Chi C9 đứng ra xây cất. Mặt tiền nhà thờ có khắc chữ N6 từ đường.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2011, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H7 trình bày:

Ông là con của bà Phạm T30, con gái của ông Phạm Đình Q8 là Hội viên của Hội N6. Từ đường N6 được xây dựng từ năm 1960. Khi cụ Phan Chi C9 qua đời, đến ông Phạm Đình C11. Lúc đó, cả Hội thống nhất cho ông Huỳnh Bá C12 cũng là Hội viên ở nhờ để nhang khói cho ông bà. Sau đó, ông Huỳnh Bá C12 tự ý cho bà Trần Thị B4 ở, các Hội viên không biết. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2011, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H20 trình bày:

Bà là con ông Huỳnh Bá C12. Theo lời kể của cha bà thì nguồn gốc đất là của ông cố bà là ông Huỳnh Bá T31 được chính quyền đương thời cho phép khai phá. Sau đó để lại cho ông Huỳnh Bá Nh là con ông T31. Đời các ông đã cho những người ở miền Nam ra canh tác kiếm sống. Ông Huỳnh Bá C12 là con ông Huỳnh Bá Nh.

Bà không biết việc xây dựng nhà số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa, cũng không biết nhà thuộc sở hữu của ai. Mục đích của việc xây nhà là để thờ cúng các bậc tiền bối cùng thời với ông T31. Trên đất còn gồm cả khu ruộng phía sau nhà số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa, nay chỉ còn lại nhà. Sau khi xây xong thì ông Huỳnh Bá C12 giao cho vợ chồng ông Lê Xuân Đ10 và bà Trần Thị B4 ở từ đó đến nay.

Ông Phạm Ngọc G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Tại đơn yêu cầu tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngày 24/12/2012, bản tự khai ngày 24/11/2016, biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị P và Tô Thị Kim L6 trình bày:

Căn nhà số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa là của họ tộc Hội N6 xây dựng để thờ cúng các bậc tiền bối từ đời ông Huỳnh Bá T31. Ông T31 (chết năm 1904) để lại cho con là ông Huỳnh Bá Nh (chết năm 1943). Ông Nh có 06 người con như sau:

1. Bà Huỳnh Thị E (chết, chồng đã chết từ lâu, không có con)

2. Bà Huỳnh Thị Nh1 (chết năm 1981) có chồng là ông Tô Bửu ĐX (chết trước giải phóng) có các con gồm:

2.1. Ông Tô Bửu R1 (chết), có vợ và các con như sau:

2.1.1. Bà Nguyễn Thị Tuyết B3

2.1.2. Ông Tô Bửu Đ2

2.1.3. Bà Tô Thị Kim T16

2.1.4. Bà Tô Thị Tường V4

2.1.5. Bà Tô Thị Thanh V5

2.1.6. Ông Tô Bửu Đ3

2.1.7. Ông Tô Bửu Đ4

2.1.8. Bà Tô Thị Kỳ D1

2.1.9. Bà Tô Thị Mỹ D2;

2.2. Bà Tô Thị N5

2.3. Bà Tô Thị Kim L6

2.4. Bà Tô Thị P

3. Bà Huỳnh Thị Đ11 (chết), chồng chết, có một người con là:

3.1 Nguyễn Văn Đ5.

4. Ông Huỳnh Bá M4 (chết, vợ chết, không có con)

5. Bà Huỳnh Thị P4 (chết), có 01 người con là:

5.1. Ông Lê Xuân Đ10 (chết), có vợ là Trần Thị B4 và các con gồm:

5.1.1. Ông Lê Xuân T14

5.1.2. Ông Lê Xuân Q2

5.1.3. Ông Lê Xuân T15

5.1.4. Ông Lê Xuân L4

5.1.5. Ông Lê Xuân T16

5.1.6. Ông Lê Xuân N4

5.1.7. Ông Lê Xuân B2

5.1.8. Bà Lê Thị Ngọc A

5.1.9. Bà Lê Thị L5

6. Ông Huỳnh Bá C12 (chết năm 2015), vợ chết, các con của ông Huỳnh Bá C12 gồm:

6.1. Bà Huỳnh Thị Ng (chết, không có chồng, con)

6.2. Bà Huỳnh Thị T17

6.3. Bà Huỳnh Thị H20

6.4. Ông Huỳnh Bá K3

6.5. Ông Huỳnh Bá H21

Nguyện vọng của các bà là được Tòa án thừa nhận các bà là con cháu của dòng họ ông Huỳnh Bá C12. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản ngày 29/8/2015 được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã Hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ hợp pháp hóa lãnh sự ngày 06/10/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Chi H18 trình bày:

Căn nhà số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa là của Hội N6, địa chỉ trước kia là số 135 đường Quốc lộ 1, khóm PL, phường PH, Quận Y, thành phố N9.

Theo biên bản cuộc biểu quyết của Hội nghị các tông phái Hội N6, tỉnh Khánh Hòa, Hội biểu quyết giao cho ban quản trị đoạn mãi phần ruộng của Hội để lấy tiền xây dựng nhà từ đường là căn nhà số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa. Sau khi xây dựng xong nhà thì Hội được cấp giấy phép hoạt động năm 1967. Bà Trần Thị B4 chiếm ngụ căn nhà bất hợp pháp nên ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân T16 trình bày:

Ông là con ruột của bà Trần Thị B4. Ông không biết ông Lê Quang V2 và Hội N6. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân L4, Lê Xuân B2, Lê Xuân T14 trình bày:

Các ông Lợi, Báu, Trung là con ruột của bà Trần Thị B4. Các ông sinh sống tại nhà số 119 đường XX, phường PS, thành phố N9, tỉnh Khánh Hòa từ lâu. Các ông không biết Hội N6 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Bửu Đ3, ông Tô Bửu Đ4 và bà Tô Thị Kỳ D1 trình bày:

Các ông, bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 11/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 9 Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần Thị B4 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Lê Xuân T16, Lê Xuân Q2, Lê Xuân T15, Lê Xuân L4, Lê Xuân T14, bà Trần Thị Thu H19 phải giao trả lại nhà đất 119 đường 23 tháng 10, phường PS, thành phố N9 với diện tích đất 392,7m^2 thuộc thửa đất số 61 tờ bản đồ số 5 (356 599-2-(14)) bộ bản đồ địa chính phường PS, thành phố và nhà trên đất theo sơ đồ vị trí lô đất và bản vẽ hiện trạng nhà kèm theo bản án cho các đồng nguyên đơn gồm các ông, bà: Trương Đ, Phan Mỹ V1, Nguyễn Thanh L, Lê Đức T1, Nguyễn T2, Dương Văn Q, Lê Quang V2, Trần Công H (ông H chết, những người thừa kế của ông là Trương Thị Quỳnh L1 và Lê Thị T3), Võ Khánh H1, Võ Doãn T4, Võ Doãn D, Nguyễn Thị H3, Võ Thị T5, Ngô Hữu Q3, Dương K4, Nguyễn Văn T10, Ngô Văn H23, Phan Thanh H24 (ông H24 chết, những người thừa kế của ông là Nguyễn Thị N7, Huỳnh Thị Kim P2, Phan Hoàng H25, Phan Thanh H26, Phan Thanh H27), Phạm Đình C4 và Nguyễn H28 (Nguyễn Văn H29, Nguyễn H29) là những người đại diện của các thành viên Hội N6.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng nguyên đơn thanh toán chi phí xây sửa nhà 119 đường 23 tháng 10, phường PS, thành phố N9 cho bà Trần Thị B4 100.000.000đ và hỗ trợ cho bà Trần Thị B4 300.000.000đ sau khi bà Trần Thị B4 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sống trong nhà đất tranh chấp gồm các ông, bà Lê Xuân T16, Lê Xuân Q2, Lê Xuân T15, Lê Xuân L4, Lê Xuân T14, bà Trần Thị Thu H19 giao trả nhà đất cho các nguyên đơn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 16/11/2017, bà Trần Thị B4 và ông Lê Xuân Q2 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, với trình bày: Bà B4 ở tại ngôi nhà này từ năm 1964, nộp thuế từ năm 1993. Căn cứ Điều 236 Bộ luật Dân sự, bà B4 chiếm hữu ngay tình trên 30 năm nên có quyền sở hữu đối với nhà đất đang tranh chấp. Luật Đất đai không thừa nhận việc đòi lại đất. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Luật sư Nguyễn Hữu P1 trình bày: Bị đơn ở tại nhà đất này từ năm 1973, kê khai nộp thuế từ năm 1993. Năm 2005, Hội N6 đã khởi kiện đòi nhà đất nhưng vụ án đã được đình chỉ vì Hội N6 không phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, không được pháp luật thừa nhận; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao tài sản cho Hội N6 là ko đúng. Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng các chứng cứ của vụ án trước để giải quyết vụ án này là không đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Luật sư Đặng Thị Kim N8 trình bày: Hội N6 có nguồn gốc do những người ở miền Nam đến tỉnh Khánh Hòa lập nghiệp và thành lập hội. Hội có tài sản để cộng đồng sinh hoạt tại nhà từ đường. Ông Huỳnh Bá C12 được giao làm Quản thủ nhà từ đường. Sau năm 1975, Ủy ban nhân dân phường Phương Sơn lập biên bản mượn nhà từ đường của Hội N6. Khi Hội N6 nhận tiền đền bù giải tỏa, bà B4 không khiếu nại. Nguyên đơn có đầy đủ căn cứ để đòi nhà đất 119, bị đơn không có chứng cứ chứng minh quyền sở hữu tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng các bản khai của vụ án trước làm chứng cứ là không vi phạm khoản 3 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Căn cứ các tài liệu do nguyên đơn xuất trình, gồm:

- Giấy phép xây cất nhà từ đường số 3732 ngày 19/9/1966 của Quận Trưởng Quận VX (nay là thành phố N9) về việc cho phép ông Phan Chi T32 - Chủ tịch Ban quản trị Hội N6 xây cất nhà từ đường;
- Sơ đồ vị trí ruộng tư của Nam - Châu tỉnh Khánh Hòa tọa lạc tại thôn VX1, xã VT, quận VX, tỉnh Khánh Hòa (là phần đất của Hội N6 từ đó được trích ra một phần để xây nhà từ đường của Hội) có xác nhận của Ủy ban hành chính xã VT, quận VX ngày 09/5/1966;
- Bản đồ cắm ranh và hợp thửa khu đất của Hội N6 ngày 30/11/1970;
- Phiếu điều tra cơ bản đất do Ty quản lý nhà đất và công trình công cộng thực hiện ngày 14/11/1976 có ghi rõ nhà đất 119 của Hội N6 và có ông Nguyễn Văn T33, Hội trưởng xác nhận;
- Bản kê khai nhà cửa lập ngày 23/12/1977 do ông Nguyễn Văn T33, Hội trưởng, đại diện 22 gia phái Hội N6 đứng ra kê khai đối với nhà đất 119 có xác nhận của Ủy ban nhân dân cách mạng phường PS, thành phố N9;
- Hợp đồng cho mượn Hội N6 từ đường ngày 29/8/1982 giữa Ủy ban nhân dân phường PS và Ban quản trị Hội N6 có đóng dấu của Ủy ban nhân dân phường PS;

Và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất 119 là tài sản chung của Hội N6 và buộc bị đơn trả lại là đúng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên giao tài sản cho các đồng nguyên đơn là không phù hợp, vì các đồng nguyên đơn chưa phải là tất cả các thành viên của Hội N6. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, tuyên tạm giao cho các đồng nguyên đơn quản lý tài sản nhà đất 119.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nhà đất tranh chấp có nguồn gốc của Hội N6 tỉnh Khánh Hòa tạo lập từ trước năm 1975, thể hiện tại các tài liệu sau:

- Giấy phép xây cất nhà từ đường số 3732 ngày 19/9/1966 của Quận Trưởng Quận VX (nay là thành phố N9) về việc cho phép ông Phan Chi T32 - Chủ tịch Ban quản trị Hội N6 xây cất nhà từ đường;

- Sơ đồ vị trí ruộng tư của Nam - Châu tỉnh Khánh Hòa tọa lạc tại thôn VX1, xã VT, quận VX, tỉnh Khánh Hòa (là phần đất của Hội N6 từ đó được trích ra một phần để xây nhà từ đường của Hội) có xác nhận của Ủy ban hành chính xã VT, quận VX ngày 09/5/1966;

- Bản đồ cắm ranh và hợp thửa khu đất của Hội N6 ngày 30/11/1970;

[2] Trước năm 1975, Hội N6 giao ông Huỳnh Bá C12 làm quản thủ nhà từ đường tại giấy nhận làm quản thủ nhà từ đường của Hội N6 lập ngày 12/04/1973. Trong thời gian làm quản thủ, ông Huỳnh Bá C12 cho bà Trần Thị B4 vào ở tại nhà từ đường.

[3] Sau năm 1975, Hội N6 tiếp tục thực hiện quyền chủ sở hữu đối với nhà đất 119 thông qua việc đăng ký, kê khai, thể hiện tại các tài liệu sau:

- Phiếu điều tra cơ bản đất do Ty quản lý nhà đất và công trình công cộng thực hiện ngày 14/11/1976 có ghi rõ nhà đất 119 của Hội N6 và có ông Nguyễn Văn T33, Hội trưởng xác nhận;

- Bản kê khai nhà cửa lập ngày 23/12/1977 do ông Nguyễn Văn T33, Hội trưởng, đại diện 22 gia phái Hội N6 đứng ra kê khai đối với nhà đất 119 có xác nhận của Ủy ban nhân dân cách mạng phường PS, thành phố N9;

- Biên bản hợp đồng mượn N6 từ đường giữa Ủy ban nhân dân phường PS và Ban quản trị Hội N6 lập ngày 28/12/1977 (văn bản có chữ ký của một số người của Hội N6 và chữ ký của Chủ tịch và một số cán bộ phường, có đóng dấu của Ủy ban nhân dân phường PS) với nội dung Ban quản trị Hội N6 cho Ủy ban nhân dân phường PS mượn N6 từ đường để sử dụng làm trụ sở Ủy ban nhân dân phường trong thời hạn 03 năm;

- Biên bản bàn giao nhà thờ N6 giữa Ủy ban nhân dân phường PS và Ban quản trị Hội N6 lập năm 1978;

- Hợp đồng cho mượn Hội N6 từ đường ngày 29/8/1982 giữa Ủy ban nhân dân phường PS và Ban quản trị Hội N6 có đóng dấu của Ủy ban nhân dân phường PS;

- Biên bản xác minh nhà đất sau khi giải tỏa công trình đường XX đoạn TT - cầu CM ngày 30/10/1999 đối với N6 từ đường;

- Phiếu chi ngày 20/9/2000 có nội dung ông Dương K4 - đại diện Hội N6 nhận 108.450.000đ tiền đền bù N6 từ đường do mở đường theo Quyết định số 3125/UB ngày 10/7/2000;

- Xác nhận của Ủy ban nhân dân phường PS ngày 23/12/1999 về việc nhà 119 đường 23/20 theo giấy tờ thuộc sở hữu của Hội N6 trên Đơn xác nhận quyền sở hữu ngôi nhà N6 từ đường thuộc Hội N6 đề ngày 22/12/1999 của Ông Trần Công H - Thư ký thường trực của Hội N6.

[4] Bị đơn bà Trần Thị B4 cho rằng nhà đất này là của bà và chồng bà là ông Trần Xuân Đ10 nhưng không có chứng cứ chứng minh; những lời khai của bà Trần Thị B4 về nguồn gốc nhà đất cũng mâu thuẫn nhau, không có căn cứ, cụ thể:

Tại bản tự khai ngày 14/7/2003 (bút lục 410), ông Huỳnh Bá C12 xác định nhà 119 đường 23 tháng 10, phường PS do Hội N6 Khánh Hòa xây cất, ông chỉ là người được giao làm quản thủ, sau đó, năm 1972 ông giao lại cho vợ chồng ông Lê Xuân Đ10 và bà Trần Thị B4 ở để trông coi nhang khói cho tộc họ N6.

Tại bản tự khai ngày 24/9/2015 (bút lục 576), người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B4 là ông Hồ Sĩ C3 trình bày nguồn gốc đất là do vợ chồng bà Trần Thị B4 tạo lập và sử dụng từ năm 1973; năm 1976, gia đình bà Trần Thị B4 xây dựng nhà và chuyển hộ khẩu về đây sinh sống; năm 1993, bà Trần Thị B4 bắt đầu kê khai nộp thuế nhà đất với diện tích đất 420m^2.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2003 (bút lục 404), bà B4 khai: *"Ngôi nhà số 119 đường 23 tháng 10, phường PS, thành phố N9 trước đây là của ông nội chồng là Lê Xuân T34. Ông T34 chết năm 1945, không để lại di chúc gì. Tôi không có giấy tờ gì chứng minh của ông Lê Xuân T34, mà chỉ có giấy đóng thuế thổ trạch và tờ giấy tay của ông Huỳnh Bá C12 cho ở*".

Các lời khai của bà Trần Thị B4 cho rằng nhà đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà Trần Thị B4 đều không có cơ sở, không phù hợp với lời khai của ông Huỳnh Bá C12. Tại Biên bản giải quyết đơn khiếu nại của Hội N6 từ đường yêu cầu bà Trần Thị B4 trả lại nhà đất, do Ủy ban nhân dân phường PS lập ngày 12/12/2002 (bút lục 77, 78), bà Trần Thị B4 đã xác nhận căn nhà 119 đường XX là nhà từ đường của Hội N6 và đồng ý trả lại. Chữ ký của bà Trần Thị B4 tại biên bản giải quyết đơn khiếu nại của Hội N6 trên đã được bà Trần Thị B4 thừa nhận tại Biên bản hòa giải không thành ngày 16/6/2003 (bút lục 403 - là tài liệu Tòa án sơ thẩm thu thập từ hồ sơ vụ án trước giữa Hội N6 với bà Trần Thị B4).

[5] Như vậy, có căn cứ xác định quyền sở hữu nhà đất 119 đường XX, phường PS, thành phố N9 là của các thành viên Hội N6. Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất 119 đường XX, phường PS, thành phố N9 (trước đây là xã VT, quận VX) là tài sản chung hợp nhất của Hội N6 với 22 gia phái như trình bày của nguyên đơn theo qui định tại Điều 211 Bộ luật Dân sự năm 2015, là phù hợp với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản của các nguyên đơn, buộc bà Trần Thị B4 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sống trong nhà phải giao trả lại nhà đất 119 đường 23 tháng 10 cho các nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Trong quá trình sử dụng nhà đất tranh chấp, bà B4 và gia đình chỉ sửa la phông trần nhà, sửa sang mới các phòng ngủ không đáng kể và không yêu cầu tính chi phí công sức sửa nhà. Tuy nhiên, các nguyên đơn đã tự nguyện thanh toán chi phí xây sửa nhà cho bà Trần Thị B4 100.000.000d, đồng thời, tự nguyện hỗ trợ cho bà Trần Thị B4 300.000.000đ sau khi bà và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sống trong nhà đất tranh chấp giao trả nhà đất cho nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là không trái pháp luật.

[7] Về áp dụng pháp luật, trong vụ án này quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi nhà đất cho ở nhờ và giao dịch cho ở nhờ được xác lập trước ngày 01/7/1991; do đó, pháp luật được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Nghị quyết của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24 tháng 8 năm 1998 về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 1 tháng 7 năm 1991. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng qui định của Bộ luật Dân sự 2015 là không chính xác. Theo qui định tại Điều 4 của Nghị quyết số 58 nêu trên, bà B4 phải trả nhà đất cho nguyên đơn.

[8] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuyên tạm giao tài sản cho các đồng nguyên đơn, thấy rằng: Trong vụ án này, các bên tranh chấp về đòi nhà đất, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất 119 là tài sản của các thành viên Hội N6 và tuyên buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao trả nhà đất cho các đồng nguyên đơn là những người đại diện của các thành viên Hội N6 là phù hợp với nội dung tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, thấy rằng: Việc bị đơn nộp thuế nhà, đất từ năm 1993 là thực hiện nghĩa vụ của người đang sử dụng đất, không phải là căn cứ xác lập quyền sở hữu nhà. Mặc dù, Hội N6 hiện chưa được pháp luật cho phép thành lập và hoạt động nhưng các thành viên của hội vẫn có quyền sở hữu đối với tài sản có nguồn gốc do hội tạo lập hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm giao trả nhà đất cho các đồng nguyên đơn là những người đại diện của các thành viên Hội N6 là không trái pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng các chứng cứ là bản photo của vụ án trước để làm căn cứ giải quyết vụ án này là không vi phạm Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xác định chứng cứ, vì nội dung tranh chấp của vụ án trước và vụ án này là giống nhau.

[10] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B4, ông Lê Xuân Q2 và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B4 và ông Lê Xuân Q2;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ:

- Điều 4 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24 tháng 8 năm 1998 về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 1 tháng 7 năm 1991;

- Điều 9 Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Trần Thị B4 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Lê Xuân T16, Lê Xuân Q2, Lê Xuân T15, Lê Xuân L4, Lê Xuân T14, bà Trần Thị Thu H19 phải giao trả lại nhà đất 119 đường 23 tháng 10, phường PS, thành phố N9 với diện tích đất 392,7m^2 thuộc thửa đất số 61 tờ bản đồ số 5 (356 599-2-(14)) bộ bản đồ địa chính phường PS, thành phố và nhà trên đất theo sơ đồ vị trí lô đất và bản vẽ hiện trạng nhà kèm theo bản án cho các đồng nguyên đơn gồm các ông, bà: Trương Đ, Phan Mỹ V1, Nguyễn Thanh L, Lê Đức T1, Nguyễn T2, Dương Văn Q, Lê Quang V2, Trần Công H (ông H chết, những người thừa kế của ông là Trương Thị Quỳnh L1 và Lê Thị T3), Võ Khánh H1, Võ Doãn T4, Võ Doãn D, Nguyễn Thị H3, Võ Thị T5, Ngô Hữu Q3, Dương K4, Nguyễn Văn T10, Ngô Văn H23, Phan Thanh H24 (ông Hải chết, những người thừa kế của ông là Nguyễn Thị N7, Huỳnh Thị Kim P2, Phan Hoàng H25, Phan Thanh H26, Phan Thanh H27), Phạm Đình C4 và Nguyễn H28 (Nguyễn Văn H29, Nguyễn H29) là những người đại diện của các thành viên Hội N6.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng nguyên đơn thanh toán chi phí xây sửa nhà 119 đường 23 tháng 10, phường PS, thành phố N9 cho bà Trần Thị B4 100.000.000đ và hỗ trợ cho bà Trần Thị B4 300.000.000đ sau khi bà Trần Thị B4 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sống trong nhà đất tranh chấp gồm các ông, bà Lê Xuân T16, Lê Xuân Q2, Lê Xuân T15, Lê Xuân L4, Lê Xuân T14, bà Trần Thị Thu H19 giao trả nhà đất cho các nguyên đơn.

3. Án phí:

a. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị B4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.000đ.

Hoàn lại cho các nguyên đơn mỗi người 50.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án như sau:

- Số 359 quyển số 12 ngày 22/5/2006 đứng tên người nộp Võ Doãn T4;
- Số 360 quyển số 11 ngày 22/5/2006 đứng tên người nộp Nguyễn Văn T10;
- Số 349 quyển số 11 ngày 22/5/2006 đứng tên người nộp Võ Khánh H1;
- Số 389 quyển số 12 ngày 22/5/2006 đứng tên người nộp Võ Doãn D;
- Số 262 quyển số 10 ngày 08/4/2006 đứng tên người nộp Ngô Hữu Q3;
- Số 263 quyển số 10 ngày 08/4/2006 đứng tên người nộp Ngô Văn H23;

- Số 257 quyển số 10 ngày 08/4/2006 đứng tên người nộp Nguyễn T2;
- Số 264 quyển số 10 ngày 08/5/2006 đứng tên người nộp Phạm Đình C4;
- Số 255 quyển số 10 ngày 08/5/2006 đứng tên người nộp Lê Đức T1;
- Số 259 quyển số 10 ngày 08/5/2006 đứng tên người nộp Võ Thị T5;
- Số 261 quyển số 10 ngày 08/5/2006 đứng tên người nộp Nguyễn Thanh L;
- Số 260 quyển số 10 ngày 08/5/2006 đứng tên người nộp Trương Đ;
- Số 268 quyển số 10 ngày 08/5/2006 đứng tên người nộp Lê Quang V2;
- Số 267 quyển số 10 ngày 08/5/2006 đứng tên người nộp Nguyễn Thị H3;
- Số 272 quyển số 10 ngày 08/4/2006 đứng tên người nộp Phan Mỹ V1;
- Số 276 quyển số 10 ngày 09/5/2006 đứng tên người nộp Trần Công H;
- Số 287 quyển số 10 ngày 09/5/2006 đứng tên người nộp Dương Văn Q;
- Số 269 quyển số 10 ngày 08/5/2006 đứng tên người nộp Nguyễn Văn H29;
- Số 439 quyển số 13 ngày 05/6/2006 đứng tên người nộp Dương K4;
- Số 440 quyển số 13 ngày 05/6/2006 đứng tên người nộp Phan Thanh H24;

Các biên lai trên của Thi hành án dân sự thành phố N9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N9)

b. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị B4 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000453 ngày 15/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự